| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẢNG BOM**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **31**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2021.
*"V/v: Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài
Ông Đinh Ngọc Hùng
- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 763/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc "*Ly hôn*", theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 và quyết Đ hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1968**

***Bị đơn*: Bà Trần Thị B, sinh năm 1973**

Cùng trú tại: Ấp X D, xã Gi Đ, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

*(Ông Đ, bà B vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – ông Bùi Văn Đ, trình bày:***

Ông và bà Trần Thị B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã UBND xã H T, huyện H Hậu, tỉnh Nam Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/11/1991. Quá trình chung sống, ông và bà B có 02 con chung là Bùi Văn Qu, sinh ngày 24/10/1992 và Bùi Quang Th, sinh ngày 08/9/1994.

Sau khi kết hôn, ông Đ và bà B về chung sống với nhau tại ấp X D, xã Gi Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2009 thì bà B đã bỏ nhà đi đến nay không quay về. Mặc dù, ông Đ đã cố gắng tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của bà B và ông cũng không biết bà B ở đâu, không ai liên lạc với bà B.

Ông Đ đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà B mất tích và đã được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom ra Quyết Định số 02/2020/QĐST-DS ngày 24/4/2020 tuyên bố bà B mất tích, cho đến nay vẫn không có thông tin về bà B. Nay ông nhận thấy, mục đích hôn nhân giữa ông và bà B không đạt được, bà B tự ý bỏ nhà ra đi để lại con cái cho một mình ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đã chờ đợi bà Bằng quay về hơn 10 năm nay nhưng vẫn không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B.

*Về con chung:* Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Ông cam kết không có nợ chung.

***Bị đơn – bà Trần Thị B:*** Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:***

*Về thủ tục tố tụng*: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác Đ tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

*Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Đ đối với bà B; Buộc ông Đ nộp án phí theo quy định.

## NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*1/ Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn - bà Trần Thị B đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2020/QĐST-DS ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom tại nơi cư trú cuối cùng ở ấp X D, xã Gi Đ, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai và không còn sinh sống ở địa chỉ trên theo biên bản xác minh ngày 17/11/2020. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng bà B vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, nguyên đơn – ông Bùi Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*2/ Về nội dung vụ án*:

[2.1] Ông Bùi Văn Đ và bà Trần Thị B kết hôn, không vi phạm điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H T, huyện H H, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/11/1991 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà B, vụ án được thụ lý ngày 05/10/2020 nên áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2.2] Bà B đã bỏ nơi cư trú đi từ năm 2009 theo quyết định tuyên bố mất tích số 02/2020/QĐST-DS ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay là có thật. Qua đó chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà B không có sự vun đắp từ hai

phía, không chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của ông Đ với bà B không còn là có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ theo quy định tại khoản 2 điều Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Ông Đ và bà B có 02 con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

[3.6] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy Đ.

[3.7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận Đ trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT Đ:

- Áp dụng các Điều 28, 147, 220, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ.

1. Ông Bùi Văn Đ được ly hôn với bà Trần Thị B.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Ông Bùi Văn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005782 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

6/ Báo cho ông Đ và bà B biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy Đ pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND x. Hải Toàn, h. Hải Hậu, t. Nam Đ; (GCNKH số 32, quyển 01 ngày 01/11/1991)
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
*(Đã ký)*

**Đỗ Thùy Dung**